TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2019
V/v: *"Xin ly hôn''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Mỹ

Bà Dương Thị Thanh Thúy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Quế L, sinh năm 1978 (có mặt);

Nơi ĐKHKTT: Khu phố MT, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Khu phố MT, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Quế L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 21/12/2004. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng trong thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K ham chơi cờ bạc, gây nợ nhiều lần, bà phải đứng ra trả nợ cho ông K hơn 04 tỷ đồng. Bà khuyên ông K nhiều lần nhưng ông K vẫn không thay đổi. Vợ chồng bà đã ly thân với nhau được 02 tháng nay. Ông K thời gian gần đây còn đánh đập bà và hâm dọa giết hai mẹ con bà. Hiện tại, bà xác định không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu xin được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu KH, sinh ngày 28/9/2005. Sau khi khi hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Khang cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận;

Về nợ chung: không có;

Ông Nguyễn Hữu K có đơn xin vắng mặt tại Tòa án và có lời trình bày: Ông và bà L kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 21/12/2004. Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn với nhau, mặc dù đã nhiều lần hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được. Nay vợ ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu KH, sinh ngày 28/9/2005. Sau khi khi hôn, ông đồng ý để bà L được tiếp tục nuôi con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại Phường B, thành phố BT nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu K làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hữu K là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà Nguyễn Quế L và ông Nguyễn Hữu K kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre ngày 21/12/2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L trình bày là do ông K ham chơi cờ bạc gây nợ, bà phải trả nợ hơn 04 tỷ đồng, bà có khuyên can nhưng ông K không thay đổi; ông K thì cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng mâu thuẫn nhau. Vợ chồng bà đã ly thân với nhau được hai tháng, bà xác định không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu ly hôn với ông K.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông K thực tế đã xảy ra, ông K có đơn xin giải quyết vắng mặt và đồng ý ly hôn với bà L. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L với ông K.

[5] Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hữu KH, sinh ngày 28/9/2005. Sau khi ly hôn cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu H cũng như sự thỏa thuận của ông K và bà L. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Hữu K được được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà L, ông K khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Quế L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Quế L, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Quế L được ly hôn ông Nguyễn Hữu K.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Hữu KH, sinh ngày 28/9/2005. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Quế L được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hữu KH. Ghi nhận bà Nguyễn Quế L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu K cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hữu K được được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Quế L và ông Nguyễn Hữu K khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Quế L và ông Nguyễn Hữu K khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Quế L phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Quế L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000991 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Nguyễn Quế L được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hữu K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND Phường N, TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang